

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 406/2021/HS-PT

Ngày: 27/9/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cường;

Ông Nguyễn Tất Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Đinh Trung Quy, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh S, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 440/2021/TLPT-HS ngày 20 tháng 5 năm 2021 đối với các bị cáo Lò Văn A và Quảng Văn Đ do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2021/HSST ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh S.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Lò Văn A, sinh ngày 10/12/1989 tại huyện M, tỉnh S; nơi cư trú: Bản O, xã C, huyện M, tỉnh S; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 09/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; con ông Lò Văn D (đã chết) và bà Lường Thị H (tên gọi khác: Lò Thị H); bị cáo sống chung như vợ chồng với Lò Thị P và có 01 người con sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2014 bị TAND huyện Q, tỉnh S xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (đã được xóa án tích); bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/10/2020 đến nay; có mặt.

2. Quảng Văn Đ, sinh ngày 06/7/1990 tại huyện J, tỉnh S; nơi cư trú: Bản L, xã C, huyện J, tỉnh S; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Quảng Văn K (đã chết) và bà Lò Thị S; có vợ là Lò Thị E và có 03 người con (con lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2018); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/10/2020 đến nay; có mặt.

- Người bào chữa do Tòa án chỉ định cho bị cáo Lò Văn A: Ông Nguyễn Văn H - Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh S; có mặt.

- Người bào chữa do Tòa án chỉ định cho bị cáo Quảng Văn Đ: Ông Phan

Ngọc T - Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh S; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 27/9/2020, Lò Văn A đang ở nhà tại Bản O, xã C, huyện M thì nhận được cuộc gọi điện thoại của V nhà ở Hà Nội (là người quen). Qua nói chuyện V đặt vấn đề nhờ Lò Văn A tìm mua hộ 30 túi hồng phiến với giá 3.000.000 đồng/1 túi, V hứa sẽ trả công Lò Văn A từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng, Lò Văn A nói hiện chưa có khi nào tìm được sẽ báo lại.

Đến ngày 30/9/2020, Lò Văn A gọi điện cho anh trai là Lò Văn K, trú tại bản B, xã C, huyện J hỏi K có biết chỗ bán hồng phiến không, có khách muốn mua 30 túi và bảo K tìm mua về bán (Lò Văn A chưa nói giá mua bao nhiêu/1 túi); K bảo Lò Văn A đến nhà K để trao đổi cụ thể. Khoảng 09 giờ ngày 01/10/2020, Lò Văn A đón xe khách từ nhà ở xã C, huyện M đến nhà K ở bản Bó, xã C, huyện J. Khi Lò Văn A đến nhà K, K biết Quảng Văn Đ nhà ở bản L, xã C, huyện J hay sang Lào mua bán hàng nên K gọi điện cho Đ nói có người muốn mua hồng phiến và bảo Đ đến nhà K để trao đổi mua bán hồng phiến; Đ đi xe máy đến nhà K. Khi cả ba người gặp nhau, Lò Văn A bảo Đ và K tìm mua 30 túi hồng phiến về bán cho Lò Văn A, Lò Văn A sẽ mua với giá 2.500.000 đồng /1 túi, Đ và K Đ ý. Sau đó Đ điện cho một người đàn ông tên I ở bản Nà H, huyện Mường E, tỉnh Hòa P, nước CHDCND Lào hỏi mua hồng phiến, I nói hiện không có, để I hỏi nếu có sẽ báo lại. Đến khoảng 15 giờ ngày 02/10/2020, Đ nhận được điện thoại của I thông báo không có hồng phiến và gửi cho Đ số điện thoại của một người đàn ông quốc tịch Lào (không nói tên, địa chỉ cụ thể) bảo Đ liên lạc theo số điện thoại mà I gửi sẽ mua được hồng phiến. Đ gọi theo số điện thoại mà I gửi và giới thiệu là bạn của I đặt vấn đề hỏi mua 30 túi hồng phiến, người đàn ông nói có hồng phiến bán giá 1.000.000 đồng/1 túi; Đ nhất trí, người đàn ông (Lào) hẹn sáng ngày 03/10/2020, trao đổi mua bán hồng phiến tại khu vực biên giới Việt Nam - Lào thuộc bản Ten P, xã C, huyện J. Sau khi trao đổi với người đàn ông (Lào), Đ gọi điện nói lại nội dung vừa trao đổi cho Lò Văn A và K biết. Sau đó, Lò Văn A gọi điện cho V thông báo đã có hồng phiến và hẹn gặp V vào trong huyện J để mua bán hồng phiến, V nhất trí và hẹn khoảng 11 giờ ngày 03/10/2020 sẽ gặp Lò Văn A ở khu vực trường tiểu học Tiên S, xã C, huyện J, Lò Văn A đồng ý.

Khoảng 8 giờ ngày 03/10/2020, Đ mang theo 15.000.000 đồng điều khiển xe máy đến nhà gọi K cùng đi mua hồng phiến, Đ và K mỗi người điều khiển một xe máy đi đến khu vực biên giới Việt Nam - Lào thuộc bản Ten P, xã C, huyện J; trên đường đi Đ nói bán được hồng phiến tiền lãi sẽ chia đôi (không nói cụ thể số tiền), K đồng ý. Khi đến nơi cách chỗ hẹn 100m, Đ nhìn thấy một người đàn ông đang đứng ở lề đường cầm trên tay một túi ni lon màu đen, Đ dừng xe máy bảo K đứng đợi, còn Đ một mình đến gặp người đàn ông; qua trao đổi người đàn ông đưa cho Đ 01 túi ni lon màu đen nói bên trong có đủ 30 túi

hồng phiến; Đ nhận túi ni lon đựng hồng phiến (không mở ra kiểm tra) rồi lấy 15.000.000 đồng trả trước cho người đàn ông và nói còn 15.000.000 đồng khi nào bán được hồng phiến sẽ mang đến trả sau, người đàn ông đồng ý. Sau khi nhận tiền người đàn ông bỏ đi, còn Đ mang túi ni lon đựng hồng phiến đến chỗ để xe máy đưa K cất giữ rồi cả hai điều khiển xe máy đi về nhà K.

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 03/10/2020, Lò Văn A nhận được điện thoại của V thông báo đã đến huyện J và hẹn gặp Lò Văn A tại khu vực cầu phao thuộc bản Tiên Sơn, xã C. Lò Văn A bảo Đ chờ đến chỗ hẹn để gặp V kiểm tra tiền, sau đó quay về nhà K; khi gặp Lò Văn A thấy V đi xe ô tô cùng hai người đàn ông không quen biết; V bảo Lò Văn A lên xe ô tô rồi lấy ra một túi xách, Lò Văn A thấy bên trong có nhiều tập tiền (VNĐ), Lò Văn A không đếm. Sau khi kiểm tra tiền xong, Lò Văn A gọi điện cho K bảo mang ma túy đến cho Lò Văn A bán, K cho túi ni lon đựng hồng phiến lên giá để hàng xe máy cùng Đ mỗi người điều khiển một xe máy đến chỗ Lò Văn A đang đợi, khi cách vị trí Lò Văn A và V đang đứng khoảng 20m, Đ dừng xe máy để lại lề đường rồi đi xe máy cùng K mang hồng phiến đến cho A bán cho V. Hồi 11 giờ 11 phút ngày 03/10/2020, tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Công an tỉnh S phối hợp với các lực lượng chức năng làm nhiệm vụ tại khu vực bản Tiên Sơn, xã C, huyện J phát hiện Lò Văn A và Lò Văn K, Quàng Văn Đ đang có hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Lò Văn A, Lò Văn K và Quàng Văn Đ và thu giữ vật chứng gồm 30 túi nilon bên trong chứa các viên nén màu hồng (nghỉ là Methamphetamine); ngoài ra còn tạm giữ: 03 điện thoại di động và 01 xe máy BKS 26K1-068.70; V cùng hai người đàn ông chạy thoát.

Nguồn gốc số ma túy thu giữ: 5.607 viên Methamphetamine có tổng khối lượng 549,48 gam. Quàng Văn Đ khai mua của một người đàn ông Lào không biết biết tên, địa chỉ cụ thể. Ngoài lời khai của Đ, Cơ quan điều tra không có căn cứ nào khác để điều tra làm rõ.

Ngày 03/10/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra (PC04), Công an tỉnh S thành lập Hội đồng mở niêm phong, cân tịnh xác định khối lượng, lấy mẫu trung cầu giám định: 30 túi nilon bên trong chứa 5.607 viên nén màu hồng có khối lượng 549,48 gam, trích trong mỗi túi lấy 05 viên màu hồng có khối lượng 14,70 gam làm mẫu gửi giám định ký hiệu từ M1 đến M30.

Kết luận giám định số 1548 ngày 07/10/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh S kết luận: *“Mẫu gửi giám định ký hiệu từ M1 đến M30 đều là ma túy; Loại Methamphetamine; Tổng khối lượng của các mẫu gửi giám định là 14,70 gam. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 549,48 gam; loại Methamphetamine”*.

Tại bản Cáo trạng số 22/VKS-P1 ngày 25/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh S đã truy tố Lò Văn A, Quàng Văn Đ về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2021/HSST ngày 26 tháng 3 năm 2021, Tòa án nhân dân tỉnh S đã quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 39 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lò Văn A tù Chung thân về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 03/10/2020).

Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 39 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Quàng Văn Đ tù Chung thân về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 03/10/2020).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Lò Văn K; xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/4/2021, bị cáo Quàng Văn Đ có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 09/4/2021, bị cáo Lò Văn A có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Lò Văn A và Quàng Văn Đ vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; đề nghị Hội Đ xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nêu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự bác kháng cáo của các bị cáo Lò Văn A và Quàng Văn Đ; giữ nguyên quyết định của bản án hình sự sơ thẩm.

Quan điểm của luật sư Nguyễn Văn H bào chữa cho bị cáo Lò Văn A: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu vùng xa, điều kiện kinh tế khó khăn, am hiểu pháp luật còn nhiều hạn chế; bị cáo cũng là người bị kẻ xấu rủ rê lôi kéo, tham gia với vai trò đồng phạm; sau khi bị bắt đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo cũng đã có thời gian trong Quân đội; mẹ đẻ bị cáo là Lường Thị H được Ban chấp hành Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tặng thưởng kỷ niệm chương thanh niên xung phong. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và áp dụng thêm Điều 17 và Điều 58 Bộ luật hình sự; chấp nhận kháng cáo của bị cáo, xử phạt bị cáo 20 năm tù.

Quan điểm của luật sư Phan Ngọc T bào chữa cho bị cáo Quàng Văn Đ: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; là người dân tộc sống ở vùng sâu vùng xa, điều kiện kinh tế khó khăn, sống chủ yếu bằng nghề trồng trọt; bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm do bị rủ rê lôi kéo, sau khi bị bắt, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo; bị cáo có ông nội Quàng

Văn W là người có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; ý kiến của các luật sư bào chữa cho bị cáo. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Lò Văn A và Quàng Văn Đ khai nhận hành vi phạm tội của mình; lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với lời khai của bị cáo Lò Văn K, người làm chứng; biên bản bắt người phạm tội quả tang; vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở để kết luận: Hồi 11 giờ 15 phút, ngày 03/10/2020, tổ công tác Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh S, phối hợp với các lực lượng chức năng làm nhiệm vụ tại khu vực bản Tiên S, xã C, huyện J, tỉnh S đã phát hiện bắt quả tang Lò Văn A, Lò Văn K và Quàng Văn Đ đang có hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ gồm 30 túi ni lon bên trong chứa 5.607 viên nén màu hồng có tổng khối lượng ma túy thu giữ là 549,48 gam loại Methamphetamine. Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết các bị cáo Lò Văn A, Quàng Văn Đ về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng quy định của pháp luật.

[2] Các bị cáo Lò Văn A, Quàng Văn Đ đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng do hám lời các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi mua bán trái phép 549,48 gam Methamphetamine. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về đấu tranh phòng, chống ma túy; gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội; trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn và các tội phạm khác trong xã hội. Do đó, cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lò Văn A: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo A không có tình tiết tăng nặng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo A đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng cao biên giới, am hiểu pháp luật còn hạn chế; bị cáo Lò Văn A đã có thời gian trong quân ngũ; bị cáo Lò Văn A có mẹ đẻ là Lường Thị H được Ban chấp hành Trung ương Đoàn thanh niên cộng

sản Hồ Chí Minh tặng thưởng kỷ niệm chương thanh niên xung phong; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo A có nhân thân xấu, bị cáo giữ vai trò chính, là người chủ mưu trong vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự xử phạt bị cáo tù chung thân là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo; bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng tại cấp phúc thẩm không có tình tiết gì mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lò Văn A, cũng như đề nghị của luật sư.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Quàng Văn Đ: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo Đ không có tình tiết tăng nặng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Đ đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng cao biên giới, trình độ hiểu biết pháp luật còn hạn chế; bị cáo Đ tham gia mua bán trái phép chất ma túy với vai trò đồng phạm; bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo có ông nội được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì nên đã được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự xử phạt bị cáo tù chung thân là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo; bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng tại cấp phúc thẩm không có tình tiết gì mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Quàng Văn Đ.

[5] Về án phí: Các bị cáo Lò Văn A, Quàng Văn Đ kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lò Văn A, Quàng Văn Đ; giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2021/HSST ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh S.

Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 39 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lò Văn A tù Chung thân về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 03/10/2020).

Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 39 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Quàng Văn Đ tù Chung thân về tội

“Mua bán trái phép chất ma túy”. Tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 03/10/2020).

Về án phí: Các bị cáo Lò Văn A, Quàng Văn Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000Đ án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh S;
- TAND tỉnh S;
- CQĐTCA tỉnh S;
- TTGCA tỉnh S;
- Cục THADS tỉnh S;
- Các bị cáo (qua trại);
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Thúy Bình